

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN-TP.HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 26/5/2020

“ V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Duy Tuyên

Bà Đào Thị Đoan

-Thư ký phiên tòa: Ông Tô Ngọc Lâm-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Địa chỉ: 123 đường N, Phường Y, Quận Z, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T-Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T1- Giám đốc xử lý nợ khu vực (Theo giấy ủy quyền số 602.1/UQ-QLN.19 ngày 06/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP X).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đặng Thị Quỳnh N- Nhân viên xử

lý nợ (Theo giấy ủy quyền số 456/UQ-DDO.19 ngày 11/11/2019).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979

Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1985

Đều ở địa chỉ: Thôn Đ, Phù L, Sóc Sơn, Hà Nội.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đặng Thị Quỳnh N-người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP X trình bày:

Ngày 05/01/2017, Ngân hàng TMCP X và vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Trịnh Thị D có ký hợp đồng cấp tín dụng trả góp số TDT.CN.506.12345, số tài khoản vay 6789. Theo đó, Ngân hàng đã đồng ý cho vợ chồng anh S, chị D vay số tiền 135.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; phương thức giải ngân chuyển khoản. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay này là vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì anh S, chị D đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 67.348.000đ . Trong đó: Gốc: 43.750.000đ ; Lãi: 23.598.000đ

Sau đó anh S, chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đến ngày 01/4/2019 thì Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ của anh S, chị D sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 26/5/2020 anh S, chị D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 131.133.125. Trong đó: Nợ gốc: 91.250.000đ; nợ lãi trong hạn: 12.940.000đ; lãi quá hạn: 25.343.125đ và lãi phạt chậm trả: 1.600.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng đề nghị được rút phần lãi phạt chậm trả. Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh S, chị D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/5/2020 là: 129.533.125đ. Trong đó: Nợ gốc là: 91.250.000đ, nợ lãi trong hạn là: 12.940.000đ và nợ lãi quá hạn là: 25.343.125đ. Đồng thời Ngân hàng đề nghị anh S, chị D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/5/2020 theo mức lãi suất

quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi anh S, chị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng

Tại lời khai ngày 25/3/2020 bị đơn là chị Trịnh Thị D trình bày: Chị D xác nhận số tiền vay và số tiền nợ gốc hiện vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng như Ngân hàng đã trình bày. Vợ chồng chị đồng ý thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền hiện vợ chồng chị còn nợ Ngân hàng. Tuy nhiên chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng chị trả số tiền nợ gốc, còn tiền lãi chị đề nghị Ngân hàng miễn giảm cho vợ chồng chị vì hiện nay hoàn cảnh gia đình vợ chồng chị cũng gặp nhiều khó khăn.

Đối với anh Nguyễn Văn S là chồng chị D: Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với anh S thông qua chị D là vợ anh S nhưng anh S không đến Tòa án làm việc. Chị D xác nhận đã chuyển toàn bộ các văn bản, tài liệu cho anh S nhưng do anh S bận công việc không thể đến Tòa làm việc được. Do vậy, Tòa án không tiến hành điều tra được về phía anh S.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463,464,465,466 và 467 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/5/2020 là 129.533.125đ. Đồng thời anh S, chị D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/5/2020 theo lãi suất trên hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên đến khi anh S, chị D trả xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Anh S, chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ngân hàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Về thẩm quyền và thời hiệu: Ngân hàng thương mại cổ phần X được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301452948, đăng ký lần đầu ngày 19/5/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 30/11/2018, ngành nghề kinh doanh của NGÂN HÀNG TMCP X là kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các hoạt động khác ghi trong điều lệ. Anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Mục đích của Hợp đồng chỉ có ngân hàng là có mục đích lợi nhuận, còn anh S, chị D không có mục đích lợi nhuận, anh S, chị D vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân chứ không phải kinh doanh. Do vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng dân sự, cụ thể là “ Hợp đồng vay tài sản”. Do anh S, chị D vi phạm hợp đồng không trả gốc, lãi đúng hạn nên ngày 11/11/2019, NGÂN HÀNG TMCP X đã làm đơn khởi kiện anh S, chị D đến Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu. Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số TDT.CN.506.12345 ngày 05/01/2017 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký hợp đồng và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên là hợp đồng dân sự hợp pháp.

-Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình điều tra Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh S vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn .

-Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt chậm trả của hợp đồng cấp tín dụng trả góp số TDT.CN.506.12345, số tài khoản vay 6789 ngày 05/01/2017 là: 1.600.000đ. Xét việc rút yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào nhu cầu vay vốn của anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D nên ngày 05/01/2017 Ngân hàng TMCP X đã đồng ý cho vợ chồng anh S, chị D vay số tiền 135.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân, đây là khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh S, chị D đã thanh toán trả cho Ngân hàng được số tiền là: 67.348.000đ. Trong đó: Nợ gốc: 43.750.000đ và nợ lãi: 23.598.000đ. Số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại đến nay anh S, chị D chưa trả được cho Ngân hàng. Tại Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp quy định về lãi suất “ Lãi suất trong hạn là 11,5%/năm. Tiền lãi được tính theo số tiền vay ban đầu. Lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn”.

Tại mục 6.4 Điều 6 của Hợp đồng quy định về chuyển nợ quá hạn và tính lãi quá hạn: “ Trong trường hợp Ngân hàng TMCP X thu hồi nợ trước hạn các khoản vay chưa thanh toán của Bên được cấp tín dụng, sau 30 ngày kể từ ngày NGÂN HÀNG TMCP X có thông báo thu hồi nợ trước hạn mà Bên được cấp tín dụng không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn”.

Xét việc thỏa thuận về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/5/2020 như Ngân hàng TMCP X đã giải trình là 129.533.125đ. Trong đó: nợ gốc: 91.250.000đ; nợ lãi trong hạn: 12.940.000đ và lãi quá hạn: 25.343.000đ và buộc anh S, chị D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho NGÂN HÀNG TMCP X toàn bộ số tiền nợ trên.

Đồng thời buộc anh S, chị D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/5/2020 trên số dư nợ gốc chưa trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng cho đến khi anh S, chị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S, chị Trịnh Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. NGÂN HÀNG TMCP X được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40; Điều 147; Điều 184, khoản 2 Điều 244; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463,464,465,466, 467 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/5/2020 theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày 05/01/2017 là 129.533.125đ. Trong đó:

-Nợ gốc: 91.250.000đ

-Nợ lãi trong hạn: 12.940.000đ.

-Nợ lãi quá hạn: 25.343.125đ.

2. Anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D phải trả số tiền lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/5/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 05/01/2017 cho đến khi anh S, chị D thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí:Anh Nguyễn Văn S và chị Trịnh Thị D phải nộp 6.476.656đ án phí dân sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần X được hoàn trả số tiền 2.802.481đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo Biên lai số 0018499 ngày 21/02/2020.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn được quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuyên Đào Thị Đoan Nguyễn Thị Thu Hằng